

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **91/2023/DS-ST**

Ngày: **20 – 11 – 2023**

“Về việc tranh chấp về hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quang Thanh.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: ông Biện Việt Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2022/TLST-DS ngày 05/10/2022, về việc *“Tranh chấp về hội”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 17/TB-TA ngày 03 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thuyền D, sinh năm 1983; nơi cư trú: số C, đường D, xóm A, thôn C, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961, nơi đăng ký thường trú: tổ E, khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuyền D trình bày:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H có tên thường gọi là Nguyễn Thị H1. Vào năm 2020, bị đơn bà H có tham gia chơi 02 chân hội trong 02 tổ hội do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuyền D làm chủ hội; trong đó có 01 tổ hội có 18 chân hội và 01 tổ hội có 20 chân hội, mỗi tổ hội đều có mức hội là 2.000.000đ/tháng; mỗi tổ hội, bà H mỗi tổ hội đều tham gia chơi 01 chân hội. Hiện nay chị D không nhớ thời điểm mở hội (thời điểm bắt đầu của các tổ hội

này). Bà **H** lĩnh hội kỳ thứ 3 và kỳ thứ 05 trong hai tổ hội này; chị **D** không nhớ cụ thể thời điểm bà **H** lĩnh hội và cũng không nhớ số tiền bà **H** lĩnh hội. Theo quy định chơi hội thì sau khi lĩnh hội, bà **H** còn phải đóng 14 tháng tiền hội (thường gọi là hội chết) cho cả hai tổ hội với mức đóng hội 2.000.000đ/tháng/01 chân hội, 02 chân hội là 4.000.000đ/tháng, tổng cộng số tiền hội bà **H** còn phải đóng hội chết là 58.000.000đồng. Tuy nhiên từ khi lĩnh hội đến ngày 16/12/2021, bà **H** chỉ mới đóng được 14.000.000đồng tiền hội chết, còn lại 44.000.000đồng tiền hội đến nay bà **H** chưa đóng. Với nghĩa vụ của chủ hội, nhằm để duy trì tổ hội, đảm bảo quyền lợi cho những người chơi hội khác, chị **D** phải bỏ tài sản cá nhân ra để đóng tiền hội thay cho bà **H** đối với phần tiền hội mà bà **H** chưa đóng với tổng số tiền là 44.000.000đồng. Ngày 16/12/2021, bà **H** và chị **D** chốt nợ hội, thống nhất: bà **H** còn nợ chị **D** 44.000.000đồng tiền hội, đến ngày 22/12/2021 bà **H** phải trả cho chị **D** 22.000.000đồng, số tiền còn lại bà **H** phải trả góp. Tại thời điểm thỏa thuận chốt nợ, hai bên không thỏa thuận tính lãi. Bà **H** có viết “Giấy khát nợ” để ghi nhận thỏa thuận chốt nợ; giấy này chính là giấy ghi tựa đề “Giấy khát nợ” mà chị **D** đã cung cấp trong hồ sơ vụ án; toàn bộ chữ viết, chữ ký trong “Giấy khát nợ” này đều là chữ của bà **H**, do bà **H** viết, ký; riêng chữ ở góc dưới bên trái trong giấy này ghi phần nội dung: “Hôm nay ngày 16/12/2021 tới ngày 22/12/2021 cô phải trả số tiền 22 triệu đồng chẵn” và chữ ký, ghi tên **Trần Văn K** phía dưới là chữ của ông **K**. Hiện nay chị **D** yêu cầu giải quyết buộc bà **H** có nghĩa vụ trả cho chị **D** 44.000.000đồng tiền nợ hội và tiền lãi phát sinh từ ngày 22/12/2021 đến nay với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngoài ra **chị D** không có yêu cầu nào khác trong vụ án.

[2]. *Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành xác minh xác định được bị đơn bà Nguyễn Thị H đã đi khỏi địa phương, không xác định được hiện nay bị đơn bà H đang ở đâu. Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục niêm yết, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn bà H không đến tham gia tố tụng nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của bị đơn bà H.*

[3] *Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:*

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 tờ giấy (loại giấy kẻ ô li – Giấy vở học sinh) có chữ viết tay bằng mực màu xanh, ghi tựa đề “ Giấy khát nợ”, phía dưới mục người vay có 01 chữ ký ghi tên “**Nguyễn Thị H1**”.

Tòa án đã tiến hành xác minh ở địa phương **thị trấn L** về việc cư trú của bị đơn bà **Nguyễn Thị H** và lập Biên bản xác minh ngày 25/10/2022 (Bút lục số 23); đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, Cơ quan **B** đã cung cấp 03 tập báo số 99, 100, 101 và **Đ** cũng đã cung cấp thông tin việc phát sóng từ ngày 26/12/2022 đến ngày 28/12/2022 đăng tin thông báo cho bị đơn bà **H**. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành thủ tục **T** cầu giám định; **Phòng K1 Công an tỉnh B** đã tiến hành giám định và cung cấp Kết luận giám định số 941 /KL-KTHS ngày 17/08/2023.

[4]. *Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh:*

Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 157, 165, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu của chị **Nguyễn Thị Thuyên D**: buộc bà **Nguyễn Thị H** phải trả cho chị **Nguyễn Thị Thuyên D** 44.000.000 đồng tiền tiền hụi và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật; miễn án phí cho bà **Nguyễn Thị H**, trả lại cho chị **Nguyễn Thị T1** Dung tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thuyên D** vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Tòa án đã niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo mở lại phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 02 theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn bà **Nguyễn Thị H** vắng mặt không có lý do; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **huyện T** tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Trong vụ án chỉ có yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi **44.000.000 đồng** còn nợ trong 02 tổ hụi mở vào năm 2020 và tiền lãi phát sinh trên **44.000.000 đồng** này; ngoài ra, vụ án không có yêu cầu nào khác của đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ tranh chấp trong vụ án là **“Tranh chấp về hụi”** căn cứ theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015 là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; **bị đơn** có nơi cư trú tại **huyện T, tỉnh Bình Thuận**. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuyền D về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H trả số tiền hụi 44.000.000đồng còn nợ trong 02 tổ hụi mở vào năm 2020; Hội đồng xét xử nhận định:

Theo tờ giấy (loại giấy kẻ ô li – Giấy vỡ học sinh) có chữ viết tay bằng mực màu xanh, ghi tựa đề “Giấy khát nợ” mà nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuyền D đã cung cấp, thể hiện nội dung: bà Nguyễn Thị H1 khát nợ của chị D số tiền là 44.000.000đồng, hẹn trong thời hạn 01 tuần đến ngày 22/12/2021 trả trước 22.000.000đồng, còn bao nhiêu trả góp; phía dưới mục “Người vay” của giấy này có 01 chữ ký ghi tên Nguyễn Thị H1. Tại kết luận giám định số 941/KL-KTHS ngày 17/08/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận chữ ký, chữ viết ghi tên “Nguyễn Thị H1” dưới mục “Người vay” trong tờ giấy nêu trên và chữ ký, chữ viết của bị đơn bà Nguyễn Thị H trong các giấy tờ, biên bản có trong hồ sơ vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 129/2022/TLPT-DS ngày 12/12/2022 mà Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã giải quyết là do cùng 01 người ký, viết. Do đó có đủ căn cứ xác định được: Đến ngày 16/12/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị H còn nợ nguyên đơn chị D 44.000.000đồng tiền hụi, hai bên thỏa thuận thống nhất đến ngày 22/12/2021 bà H có nghĩa vụ trả 22.000.000đồng, số tiền còn lại sẽ trả góp.

Nguyên đơn chị D khẳng định đến nay bị đơn bà H chưa trả 44.000.000đ tiền tiền hụi nêu trên cho chị D. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng bị đơn bà H không tham gia tố tụng và không cung cấp chứng cứ chứng minh bà H có trả khoản tiền hụi này. Do đó có căn cứ xác định được: hiện nay bà H còn nợ chị D 44.000.000đồng tiền hụi.

Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn chị D về việc buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho chị D 44.000.000đồng tiền hụi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015, các điểm a, c khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 16, các điểm a, b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ nên được chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuyền D về việc buộc bà Nguyễn Thị H trả tiền lãi trên số tiền hụi 44.000.000đồng tính từ ngày 22/12/2021 đến nay với mức lãi suất theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

Theo giấy ghi tựa đề “Giấy khát nợ” mà nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuyền D đã cung cấp thể hiện hai bên thỏa thuận thống nhất đến ngày 22/12/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn chị D 22.000.000đồng tiền hụi, số tiền còn hụi lại sẽ trả góp. Do đó căn cứ xác định thời điểm bị đơn bà H thực hiện nghĩa vụ là từ ngày 22/12/2021. Khi chót nợ hụi, hai bên không thỏa thuận trả lãi và mức lãi suất. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: bị đơn bà H phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho chị D đối với số tiền chậm trả 44.000.000đồng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là không quá 10%/tháng, tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 22/12/2021 cho đến nay là

01 năm 10 tháng 28 ngày; theo đó, tiền lãi được tính như sau: $44.000.000\text{đồng} \times (01 + 10/12 + 28/365)\text{năm} \times 10\%/năm = 8.404.000\text{đồng}$.

Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn chị **D** về việc trả tiền lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận. Do đó cần xử buộc bị đơn bà **H** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị **D** 8.404.000đồng tiền lãi.

[3.3] *Về chi phí tố tụng*: nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thuyền D** có yêu cầu giám định theo khoản 3 Điều 160 của Bộ luật tố tụng dân sự, kết quả giám định chứng minh yêu cầu của chị **D** là có căn cứ; do đó cần căn cứ khoản 4 Điều 161 và khoản 1 Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử buộc bị đơn bà **Nguyễn Thị H** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị **D** chi phí giám định là 2.430.000đồng (hai triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng). Ngoài ra, nguyên đơn chị **D** có yêu cầu thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; do đó cần căn cứ khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử buộc chị **D** phải chịu 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí chị **D** đã nộp.

[3.4] *Về án phí*: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thuyền D** được chấp nhận toàn bộ; đồng thời bị đơn bà **Nguyễn Thị H** hiện nay đã trên 60 tuổi, thuộc người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi. Vì vậy cần căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn nộp tiền án phí cho bà **Nguyễn Thị H**; trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho chị **Nguyễn Thị Thuyền D**.

[4] *Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận*: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 160, khoản 4 Điều 161, khoản 1 Điều 162, khoản 2 Điều 180, các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 357, khoản 2 Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015.

Các điểm a, c khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 16, các điểm a, b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ.

Điều 2 Luật người cao tuổi.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thuyền D: buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thuyền D tổng số tiền là 52.404.000đồng (Năm mươi hai triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn đồng), trong đó gồm 44.000.000đồng tiền hụi và 8.404.000đồng tiền lãi.

[2]. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Thuyền D 2.430.000đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng) chi phí giám định. Buộc chị Nguyễn Thị Thuyền D phải chịu 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí chị Nguyễn Thị Thuyền D đã nộp ngày 08/12/2022; sau khi khấu trừ, chị Nguyễn Thị Thuyền D đã nộp đủ lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong vụ án.

[3]. Về án phí: Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị H. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thuyền D 1.100.000đồng (Một triệu một trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011373, ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn, bị đơn đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Khánh